

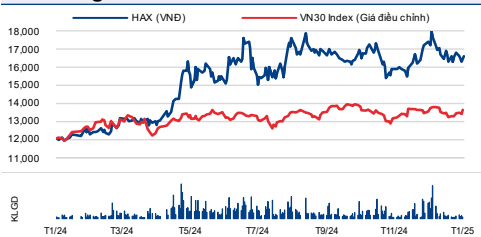
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ20,000
Tiềm năng tăng/giảm: 20.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (24/1/2025)	16,600
Mã Bloomberg	HAX VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	11,953-17,950
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	16,490
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	1,551
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	61.8
Slg CP lưu hành (tr.đv)	93.4
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	46.7
Slg CP NN được mua (tr.đv)	33.0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	14.7%
Tỷ lệ freefloat	61.8%
Cổ đông lớn	Tiền Dũng và gia đình (33.2%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	3,982	5,810	8,226
EBITDA đc (tỷ đồng)	108	296	414
LN TT (tỷ đồng)	48.1	236	317
LNT ĐC (tỷ đồng)	34.6	129	180
FCF (tỷ đồng)	31.5	(101)	(228)
EPS ĐC (đồng)	370	1,201	1,674
DPS (đồng)	300	1,200	1,200
BVPS (đồng)	12,459	10,835	11,309
T.trưởng EBITDA (%)	(68.4)	174	39.8
T.trưởng EPS ĐC (%)	(85.6)	224	39.3
Tăng trưởng DPS (%)	(40.0)	300	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	2.72	5.10	5.04
Tỷ suất LN TT (%)	1.21	4.07	3.86
Tỷ suất LNT ĐC (%)	0.87	2.22	2.19
Tỷ lệ LN trả CT (%)	81.0	99.9	71.7
Nợ thuần/VCSH (%)	56.9	83.3	117
ROAE (%)	3.40	11.6	15.8
ROACE (%)	7.31	23.1	30.5
EV/doanh thu (lần)	0.53	0.45	0.37
EV/EBITDA ĐC (lần)	19.7	8.88	7.34
P/E ĐC (lần)	44.8	13.8	9.92
P/B (lần)	1.33	1.53	1.47
Lợi suất cổ tức (%)	1.81	7.23	7.23

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

HAX là nhà phân phối của Mercedes-Benz Việt Nam (MBV) và gần đây đã mở rộng phân phối cho một số thương hiệu khác như Nissan và MG.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q4/2024: KQKD tích cực dù thấp hơn dự báo 10%

- HAX công bố KQKD Q4/2024 tích cực với doanh thu thuần đạt 1.817 tỷ đồng (tăng 69% so với cùng kỳ và tăng 18% so với quý trước) và lợi nhuận thuần đạt 34 tỷ đồng (tăng 54% so với cùng kỳ nhưng giảm 45% so với quý trước, thấp hơn dự báo của HSC 10%).
- KQKD khả quan nhờ mảng phân phối xe MG (do công ty con PTM vận hành, chưa niêm yết, HAX sở hữu 51,6% cổ phần) trong khi mảng phân phối xe Mercedes (do công ty mẹ vận hành) ghi nhận lợi nhuận thuần giảm so với cùng kỳ.
- Tính chung cả năm 2024, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 5.513 tỷ đồng (tăng trưởng 38%) và 125 tỷ đồng (tăng trưởng gấp 2,6 lần), đạt 95% và 97% dự báo của HSC. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 20.000đ (tiềm năng tăng giá 20%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2024

So với cùng kỳ, KQKD Q4/2024 tăng mạnh với doanh thu thuần tăng 69% (đạt 1.817 tỷ đồng) và lợi nhuận thuần tăng 54% (đạt 34 tỷ đồng), nhờ KQKD tích cực của mảng phân phối xe MG.

Tuy nhiên, so với quý trước, lợi nhuận thuần giảm mạnh 45% dù doanh thu thuần tăng 18%. Nguyên nhân là do tỷ suất lợi nhuận gộp của cả hai mảng Mercedes và MG đều giảm so với quý trước do mức chiết khấu/ tỷ suất lợi nhuận từ hai thương hiệu này đã trở lại mức bình thường sau khi chính sách hỗ trợ giảm 50% lệ phí trước bạ cho xe lắp ráp trong nước hết hiệu lực vào cuối tháng 11/2024.

Mảng phân phối xe Mercedes: Lợi nhuận thuần giảm so với cùng kỳ và so với quý trước

Trong Q4/2024, mảng phân phối xe Mercedes (do công ty mẹ vận hành) ghi nhận doanh thu thuần đạt 922 tỷ đồng (tăng 11% so với cùng kỳ và 10% so với quý trước) và lợi nhuận thuần đạt 12 tỷ đồng (giảm 14% so với cùng kỳ và 67% so với quý trước).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2024, HAX

Lợi nhuận thuần Q4 tăng 54% so với cùng kỳ lên 34 tỷ đồng (nhưng giảm 45% so với quý trước)

Tỷ đồng	Q4/23	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2023	2024	Tăng trưởng	% hoàn thành
Doanh thu thuần	1,077	1,817	68.8%	18.4%	3,982	5,513	38.5%	94.9%
Lợi nhuận gộp	79	146	84.6%	-16.1%	277	512	84.8%	
LN TT	28	76	171.1%	-43.1%	48	278	478.4%	
LN ST	22	60	164.8%	-34.1%	37	204	449.5%	
Lợi nhuận thuần	22	34	54.2%	-45.3%	35	125	261.4%	96.8%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	7.4%	8.0%			7.0%	9.3%		
Tỷ suất LN TT	2.6%	4.2%			1.2%	5.0%		
Tỷ suất lợi nhuận thuần	2.0%	1.9%			0.9%	2.3%		

Nguồn: HAX, HSC

Tỷ suất lợi nhuận của mảng này đạt đỉnh vào Q3/2024 do MBV (Mercedes-Benz Việt Nam, chưa niêm yết) đưa ra mức chiết khấu/tỷ suất lợi nhuận cao hơn bình thường cho các đại lý để hỗ trợ họ giải phóng hàng tồn kho trong bối cảnh chính sách hỗ trợ giảm 50% lệ phí trước bạ cho xe lắp ráp trong nước được áp dụng trở lại từ tháng 9 đến tháng 11/2024. Trong Q4/2024, khi áp lực giải phóng hàng tồn kho giảm bớt, mức chiết khấu/ tỷ suất lợi nhuận mà MBV đưa ra đã trở lại mức bình thường, dẫn đến tỷ suất lợi nhuận giảm.

Mảng phân phối xe MG: Lợi nhuận thuần sau thuế tăng mạnh so với cùng kỳ nhưng giảm so với quý trước

Mảng phân phối xe MG, do công ty con PTM (chưa niêm yết, HAX sở hữu 51,6% cổ phần) vận hành, ghi nhận doanh thu tăng mạnh so với cùng kỳ và so với quý trước nhờ doanh số khả quan. Trong Q4/2024, doanh số bán xe MG trên toàn quốc tăng mạnh 2,6 lần so với cùng kỳ và 60% so với quý trước, đạt 5.281 xe. PTM vẫn là đại lý lớn nhất của MG với thị phần khoảng 40%. Lợi nhuận thuần sau thuế của mảng này sau đó tăng mạnh 4,5 lần so với cùng kỳ đạt 48 tỷ đồng nhưng giảm 13% so với quý trước do tỷ suất lợi nhuận giảm.

Trong năm 2024, tỷ suất lợi nhuận cũng đạt đỉnh vào Q3/2024 do MG, thương hiệu xe nhập khẩu nguyên chiếc, cũng đưa ra mức chiết khấu cao hơn trong Q3/2024 cho các đại lý của mình để giúp họ cạnh tranh với xe lắp ráp trong nước đang được hưởng chính sách hỗ trợ của Chính phủ. Mức chiết khấu/ tỷ suất lợi nhuận cũng đã trở lại bình thường trong Q4/2024, dẫn đến tỷ suất lợi nhuận của PTM giảm so với quý trước.

Duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

Tính chung cả năm 2024, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 5.513 tỷ đồng (tăng trưởng 38%) và 125 tỷ đồng (tăng trưởng 2,6 lần), đạt 95% và 97% dự báo của HSC.

Mặc dù lợi nhuận thuần thấp hơn một chút so với dự báo nhưng HSC vẫn duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 20.000đ (tiềm năng tăng giá 20%) vì triển vọng tăng trưởng vẫn khả quan. HSC hiện dự báo lợi nhuận thuần năm 2025 đạt 180 tỷ đồng (tăng trưởng 44%) với mảng phân phối xe MG tiếp tục là động lực tăng trưởng chính.

Tại thời điểm cuối năm 2024, PTM sở hữu 14 trong số 45 showroom MG trên toàn quốc. HAX sẽ tiếp tục mở rộng mạng lưới phân phối xe MG trong năm 2025 với mục tiêu có 20 showroom trên toàn quốc vào cuối năm. Trong khi đó, MG đặt mục tiêu bán 20.000 xe trong năm 2025 (tăng trưởng 53% từ mức 13.098 xe bán ra trong năm 2024), qua đó lọt vào top 5 thương hiệu ô tô bán chạy nhất tại Việt Nam từ vị trí top 10 đã đạt được trong năm 2024. Đây là mục tiêu khả thi xét đến giá cả và dịch vụ hậu mãi cạnh tranh của MG.

Với dự báo hiện tại của HSC, HAX đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 9,7 lần, so với bình quân từ năm 2019 ở mức 10,0 lần.

Bảng 2: KQKD của Công ty mẹ, HAX

Lợi nhuận thuần Q4 của công ty mẹ (vận hành mảng kinh doanh Mercedes) giảm 14% so với cùng kỳ và 67% so với quý trước xuống 12 tỷ đồng

Tỷ đồng	Q4/23	Q3/24	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2023	2024	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	830	839	922	11.1%	9.9%	3,480	3,127	-10.1%
Lợi nhuận gộp	46	72	33	-28.0%	-53.5%	214	174	-18.7%
LNTT	17	45	15	-13.8%	-66.5%	42	76	82.7%
Lợi nhuận thuần	14	36	12	-14.0%	-66.7%	33	61	84.4%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	5.6%	8.6%	3.6%			6.1%	5.6%	
Tỷ suất LNTT	2.1%	5.3%	1.6%			1.2%	2.4%	

Nguồn: HAX

Bảng 3: Kết quả kinh doanh của các công ty con, HAX

Trong Q4, các công ty con (chủ yếu kinh doanh MG) có lợi nhuận thuần tăng 4,5 lần lên 55 tỷ đồng (giảm 13% so với quý trước)

Tỷ đồng	Q4/23	Q3/24	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2023	2024	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	247	696	895	263.0%	28.5%	502	2,386	375.3%
Lợi nhuận gộp	33	102	113	243.9%	10.2%	63	338	436.3%
LNTT	11	89	61	471.1%	-31.4%	6	202	3021.9%
Lợi nhuận thuần	9	55	48	449.0%	-12.8%	4	143	3394.4%
<i>Tỷ suất lợi nhuận gộp</i>	<i>13.3%</i>	<i>14.7%</i>				<i>12.6%</i>	<i>14.2%</i>	
<i>Tỷ suất LNTT</i>	<i>4.3%</i>	<i>12.7%</i>				<i>1.3%</i>	<i>8.5%</i>	

Nguồn: HAX, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	6,775	3,982	5,810	8,226	10,532
Lợi nhuận gộp	473	277	468	645	819
Chi phí BH&QL	(208)	(221)	(232)	(329)	(421)
Thu nhập khác	40.4	30.0	34.9	49.4	63.2
Chi phí khác	(0.03)	(0.80)	(1.16)	(1.65)	(2.11)
EBIT	305	84.9	269	364	458
Lãi vay thuần	(5.39)	(36.7)	(32.9)	(46.5)	(62.3)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	300	48.1	236	317	396
Chi phí thuế TNDN	(60.4)	(11.1)	(47.3)	(63.5)	(79.2)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.35	(2.47)	(60.0)	(74.0)	(81.3)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	240	34.6	129	180	236
Lợi nhuận thuần ĐC	240	34.6	129	180	236
EBITDA ĐC	343	108	296	414	513
EPS (đồng)	2,562	370	1,201	1,674	2,193
EPS ĐC (đồng)	2,562	370	1,201	1,674	2,193
DPS (đồng)	500	300	1,200	1,200	1,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	56.9	93.4	107	107	107
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	56.9	93.4	107	107	107
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	56.9	93.4	107	107	107

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	160	120	139	142	192
Đầu tư ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu khách hàng	265	213	266	368	461
Hàng tồn kho	1,065	696	842	1,152	1,422
Các tài sản ngắn hạn khác	101	42.6	58.1	82.3	105
Tổng tài sản ngắn hạn	1,591	1,072	1,306	1,745	2,180
TSCĐ hữu hình	411	370	431	933	973
TSCĐ vô hình	11.2	10.9	10.7	10.5	10.3
Bất động sản đầu tư	469	469	469	0	0
Đầu tư dài hạn	1.25	1.25	1.25	1.25	1.25
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	94.9	82.8	122	173	221
Tổng tài sản dài hạn	987	935	1,034	1,117	1,206
Tổng cộng tài sản	2,578	2,006	2,340	2,862	3,386
Nợ ngắn hạn	1,152	700	988	1,398	1,790
Phải trả người bán	76.9	44.7	65.2	92.3	118
Nợ ngắn hạn khác	44.4	29.3	29.3	29.3	29.3
Tổng nợ ngắn hạn	1,424	839	1,173	1,644	2,094
Nợ dài hạn	0	0	0.11	0.11	0.11
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	3.63	2.53	2.53	2.53	2.53
Nợ dài hạn khác	181	0.32	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	184	2.85	2.64	2.64	2.64
Tổng nợ phải trả	1,609	842	1,176	1,647	2,096
Vốn chủ sở hữu	922	1,115	1,115	1,166	1,240
Lợi ích cổ đông thiểu số	46.6	49.0	49.0	49.0	49.0
Tổng vốn chủ sở hữu	969	1,164	1,164	1,215	1,289
Tổng nợ phải trả và VCSH	2,578	2,006	2,340	2,862	3,386
BVPS (đ)	17,016	12,459	10,835	11,309	12,001
Nợ thuần/(tiền mặt)	991	579	848	1,256	1,599

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	305	84.9	269	364	458
Khấu hao	(37.2)	(23.4)	(27.1)	(50.5)	(54.5)
Lãi vay thuần	(5.39)	(36.7)	(32.9)	(46.5)	(62.3)
Thuế TNDN đã nộp	(61.0)	(35.7)	(47.3)	(63.5)	(79.2)
Thay đổi vốn lưu động	(868)	367	(154)	(351)	(305)
Khác	32.2	39.2	(75.0)	(97.0)	(103)
LCT thuần từ HĐKD	(633)	433	(13.5)	(145)	(38.3)
Đầu tư TS dài hạn	(705)	(401)	(87.2)	(83.1)	(94.8)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	309	402	0	0	0
Khác	22.8	0.58	(39.2)	(50.7)	(48.4)
LCT thuần từ HĐĐT	(373)	0.77	(126)	(134)	(143)
Cổ tức trả cho CSH	(24.8)	(36.0)	(129)	(129)	(161)
Thu từ phát hành CP	0	14.0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1,104	(452)	288	411	392
Khác	0	0	(0.32)	0	0
LCT thuần từ HĐTC	1,080	(474)	159	282	231
Tiền & tương đương tiền đầu kì	87.6	160	120	139	142
LCT thuần trong kỳ	72.9	(40.3)	19.1	2.98	49.4
Ảnh hưởng của tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	160	120	139	142	192
Dòng tiền tự do	(1,339)	31.5	(101)	(228)	(133)

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	6.98	6.96	8.05	7.84	7.77
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	5.06	2.72	5.10	5.04	4.87
Tỷ suất LNT (%)	3.54	0.87	2.22	2.19	2.24
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.1	23.0	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	22.0	(41.2)	45.9	41.6	28.0
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	32.7	(68.4)	174	39.8	23.8
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	50.4	(85.6)	273	39.3	31.0
Tăng trưởng EPS (%)	49.5	(85.6)	224	39.3	31.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	49.5	(85.6)	224	39.3	31.0
Tăng trưởng DPS (%)	0	(40.0)	300	0	25.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	19.5	81.0	99.9	71.7	68.4
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	29.5	3.40	11.6	15.8	19.6
ROACE (%)	32.7	7.31	23.1	30.5	36.5
Vòng quay tài sản (lần)	3.51	1.74	2.67	3.16	3.37
Tiền mặt HĐ/EBIT (lần)	(2.07)	5.10	(0.05)	(0.40)	(0.08)
Số ngày tồn kho	61.7	68.6	57.6	55.4	53.4
Số ngày phải thu	15.3	21.0	18.2	17.7	17.3
Số ngày phải trả	4.46	4.40	4.46	4.45	4.44
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	121	56.9	83.3	117	141
Nợ/tài sản (%)	49.3	37.6	45.6	52.8	57.2
EBIT/lãi vay (lần)	56.6	2.31	8.18	7.82	7.36
Nợ/EBITDA (lần)	3.71	6.97	3.60	3.65	3.77
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.12	1.28	1.11	1.06	1.04
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.29	0.53	0.45	0.37	0.32
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.65	19.7	8.88	7.34	6.60
P/E (lần)	6.48	44.8	13.8	9.92	7.57
P/E ĐC (lần)	6.48	44.8	13.8	9.92	7.57
P/B (lần)	0.98	1.33	1.53	1.47	1.38
Lợi suất cổ tức (%)	3.01	1.81	7.23	7.23	9.04

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn